BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4932/BTC-ĐCTC V/v đăng lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2025*

Kính gửi: Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và công văn số 2479/VPCP-KTTH ngày 25/3/2025 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán và dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quyết định này. *(Các dự thảo kèm theo)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính đề nghị Quý cơ quan đăng tải các dự thảo nêu trên lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

(Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ với Ông: Nguyễn Duy Linh, điện thoại 024.2220.2828 (số máy lẻ: 7008), số di động: 098.826.69.69, email: nguyenduylinh@mof.gov.vn.)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục CNTT (để đăng Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, ĐCTC (N.D.Linh - 2b).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Hưng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2025/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán để hỗ trợ trang trải chi phí học tập, sinh hoạt trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng vay vốn

Học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang theo học ngành đào tạo về khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ tài chính, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, kiến trúc và xây dựng, sản xuất và chế biến, toán và thống kê theo quy định Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan, tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ

sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là người học).

Điều 4. Điều kiện vay vốn

1. Học sinh, sinh viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật và đáp ứng điều kiện sau tại thời điểm Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định cho vay vốn theo quy định tại Quyết định này:

a) Đối với học sinh, sinh viên năm nhất: Có ba năm học trung học phổ thông đạt xếp loại học lực loại khá trở lên theo quy định của pháp luật;

b) Đối với học sinh, sinh viên từ năm hai trở đi: Có kết quả học tập trung bình các môn học đạt loại khá trở lên theo quy định của pháp luật tại năm trước liền kề với năm xin vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Học viên, nghiên cứu sinh phải tốt nghiệp đại học theo quy định của pháp luật tại thời điểm Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định cho vay vốn theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Nguyên tắc vay vốn

1. Khách hàng vay vốn phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích.

2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ vay đầy đủ và đúng hạn theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Phương thức cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay thông qua hộ gia đình đối với người học trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay trực tiếp người học trong các trường hợp sau:

a) Người học đã đủ 18 tuổi mồ côi cả cha và mẹ;

b) Người học đã đủ 18 tuổi có cha, mẹ nhưng cha, mẹ không còn sức lao động hoặc không có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Mức vốn cho vay

1. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học bao gồm toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường) theo xác nhận của nhà trường và tiền sinh hoạt phí tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

2. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

Điều 8. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay đối với hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật.

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Điều 9. Đồng tiền cho vay và trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 10. Thời hạn cho vay

1. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính bao gồm thời hạn giải ngân vốn vay và thời hạn trả nợ.

2. Thời hạn giải ngân vốn vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày người học kết thúc khóa học, kể cả thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có):

a) Thời hạn giải ngân vốn vay được chia thành các kỳ hạn giải ngân vốn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hoặc thoả thuận với khách hàng vay vốn;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân vốn vay trong thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có);

c) Trong thời hạn giải ngân vốn vay, khách hàng vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi; lãi tiền vay được tính kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc.

3. Thời hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định, tối đa bằng thời hạn giải ngân vốn vay trừ đi thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có), trong đó:

a) Khách hàng vay vốn phải bắt đầu thời hạn trả nợ muộn nhất sau 12 tháng kể từ ngày người học kết thúc khóa học; khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn;

b) Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định.

Điều 11. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng vay vốn và kết quả đánh giá của Ngân hàng Chính sách xã hội về khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn, cụ thể như sau:

a) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và được Ngân hàng Chính sách xã hội đánh giá là có

khả năng trả nợ đầy đủ theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh thì Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng vay vốn;

b) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đầy đủ trong thời hạn trả nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định này theo hợp đồng tín dụng đã ký và được Ngân hàng Chính sách xã hội đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn trả nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn; tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời hạn trả nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định này.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ vay của khách hàng vay vốn trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và không được Ngân hàng Chính sách xã hội điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Quyết định này;

b) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đầy đủ khi kết thúc thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và không được Ngân hàng Chính sách xã hội gia hạn nợ theo quy định tại Quyết định này;

c) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đầy đủ khi kết thúc thời gian gia hạn nợ và không được Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục gia hạn nợ.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 12. Bảo đảm tiền vay

1. Khách hàng vay vốn dưới 500 triệu đồng thì không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

2. Khách hàng vay vốn từ 500 triệu đồng trở lên thì phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Nguồn vốn cho vay

Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này bao gồm:

1. Nguồn vốn đầu tư công do ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn do ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hằng năm về kết quả thực hiện cho vay:

a) Cơ quan gửi báo cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Mẫu biểu báo cáo: Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm;

đ) Thời gian chốt số liệu: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày đầu tiên của năm báo cáo; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày cuối cùng của năm báo cáo;

e) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau: Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy; Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy; Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng; Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài báo cáo định kỳ hằng năm tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho vay theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Báo cáo Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư công cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này;

b) Hướng dẫn chi tiết về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, bảo đảm tiền vay và các nội dung liên quan khác, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

c) Quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, đủ điều kiện, đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch;

d) Báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 15 Quyết định này;

đ) Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong quá trình cho vay theo Quyết định này để vốn vay được sử dụng đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc vay vốn;

e) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này và đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết);

b) Trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư công để cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Ban hành mẫu giấy xác nhận chung cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xác nhận các nội dung sau: Việc người học thuộc đối tượng vay vốn tại Điều 3 Quyết định này; Việc người học đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quyết định này; Tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường) tại khoản 1 Điều 7 Quyết định này;

b) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức tuyên truyền và thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Hằng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật để cho vay theo Quyết định này;

b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn để tổ chức tuyên truyền và thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp khách hàng đang vay vốn theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), nếu thuộc đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn theo quy định tại Quyết định này thì được chuyển sang áp dụng cơ chế vay vốn theo quy định tại Quyết định này trong thời gian học còn lại.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- VPCP; BTCN, các PCN, Website Chính phủ,
Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).A.

Phụ lục

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Phân loại	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		Dư nợ				Khách hàng		
		Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khi thực hiện chương trình	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khi thực hiện chương trình	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khi thực hiện chương trình	Tổng dư nợ	Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Số khách hàng còn dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn trong kỳ báo cáo	Lũy kế số lượt khách hàng vay vốn từ khi thực hiện chương trình
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**PHÂN LOẠI THEO KHỐI NGÀNH HỌC**													
1	**Khoa học sự sống**													
2	**Khoa học tự nhiên**													
3	**Toán và thống kê**													
4	**Máy tính và công nghệ thông tin**													
5	**Công nghệ kỹ thuật**													

6	Kỹ thuật													
7	Kiến trúc và xây dựng													
8	Sản xuất và chế biến													
9	Công nghệ tài chính													
	Tổng cộng													
II	PHÂN LOẠI THEO CẤP HỌC													
1	Tiến sĩ													
2	Thạc sĩ													
3	Đại học													
4	Cao đẳng													
5	Trung cấp													
6	Giáo dục nghề nghiệp													
	Tổng cộng													
III	PHÂN LOẠI THEO MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ													

1	Người học là nữ													
2	Người học là người dân tộc thiểu số													
3	Người học có hoàn cảnh khó khăn													
4	Người học thuộc cả trường hợp (1) và (2)													
5	Người học thuộc cả trường hợp (1) và (3)													
6	Người học thuộc cả trường hợp (2) và (3)													
7	Người học thuộc cả 3 trường hợp (1), (2) và (3)													
8	Người học khác													
Tổng cộng														

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 2479/VPCP-KTTH ngày 25/3/2025, trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế của Đoàn khảo sát liên Bộ (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ngân hàng Chính sách xã hội) từ ngày 13/3/2025 đến ngày 14/3/2025 tại 06 trường đại học đào tạo ngành STEM tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (*Báo cáo khảo sát trình kèm*), sau khi tổng hợp ý kiến tham gia các Bộ, ngành, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan liên quan, ý kiến công chúng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Tài chính và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số …/BCTĐ-BTP ngày …/…/2025, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên (HSSV), học viên, nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là người học) học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (sau đây gọi tắt là các ngành STEM) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH.

1. Cơ sở chính trị.

- Văn kiện "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030" tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu ra các đột phá chiến lược, trong đó có việc "*đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp*".

- Tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

đã chỉ đạo nhiệm vụ về "*có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút HSSV giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học*".

2. Cơ sở pháp lý và thẩm quyền ban hành.

- Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định về người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi tại NHCSXH, trong đó có bao gồm "các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ".

- Tại Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về tín dụng ưu đãi đối với người học theo hướng mở rộng đối tượng và điều kiện vay, giảm lãi suất, tăng mức vay và thời hạn trả nợ, có ưu đãi đặc biệt đối với các ngành STEM.

- Tại Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sửa đổi, bổ sung, cập nhật) được ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Chính sách xã hội "*xây dựng chính sách đột phá về tín dụng đối với học sinh, sinh viên học các ngành STEM*".

- Tại công văn số 2479/VPCP-KTTH ngày 25/3/2025 của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng, trình "*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định riêng về tín dụng đối với HSSV theo trình tự, thủ tục rút gọn để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ*".

3. Cơ sở thực tiễn.

- Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã đặt mục tiêu giáo dục đại học đến năm 2030 trong đó tỷ trọng quy mô các ngành STEM đạt 35%.

- Việc đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực trình độ cao trong các ngành STEM có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, công nghệ và xã hội, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đang được Đảng, Nhà nước và Chính phủ quan tâm thực hiện trong thời gian tới, đảm bảo tăng trưởng kinh tế ít nhất 8% trong năm 2025 và tăng trưởng 2 con số trong các năm tiếp theo.

- Tuy nhiên hiện nay chính sách tín dụng ưu đãi đối với HSSV tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022) chỉ hạn chế phạm vi cho vay là HSSV có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ

mức sống trung bình, mồ côi cha mẹ...) (không phân biệt ngành học); theo đó, chỉ trường hợp HSSV học ngành STEM thuộc các hoàn cảnh khó khăn theo quy định mới được vay vốn tín dụng ưu đãi từ NHCSXH mà không áp dụng cho tất cả các HSSV học ngành STEM khác, cũng như chưa áp dụng cho đối tượng người học sau đại học (học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh tiến sĩ). Bên cạnh đó, cũng chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt, hấp dẫn, đột phá cho người học các ngành STEM[1] (trong đó bao gồm các ngành về toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt), nhất là trình các trình độ sau đại học như yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ.

Căn cứ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng, ban hành Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành STEM là cần thiết và cấp bách.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích: Quy định chính sách tín dụng ưu đãi, vượt trội hơn đối với HSSV, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành STEM để hỗ trợ trang trải toàn bộ tiền học phí và các chi phí sinh hoạt chính trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; qua đó hỗ trợ HSSV, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành STEM yên tâm học tập, cống hiến, đáp ứng yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành STEM để đóng góp vào mục tiêu đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cũng như các mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo chủ trương của Đảng và Nhà nước thời gian qua.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

- *Thứ nhất*, bám sát chặt chẽ chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển giáo dục đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các ngành khoa học căn bản và công nghệ chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới.

- *Thứ hai*, tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và quy định pháp luật có liên quan.

- *Thứ ba*, phù hợp với năng lực quản trị, nguồn vốn và mô hình triển khai, quản lý tín dụng đã và đang triển khai hiệu quả hiện nay của NHCSXH.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Ngày 13/3/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 3038/BTC-ĐCTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai nhiệm vụ liên quan đến xây dựng

---

[1] Hiện nay, mức vốn cho vay tối đa 4 triệu đồng/tháng/HSSV chỉ đáp ứng được tiền học phí của các chương trình đào tạo đại trà mà chưa đáp ứng được các chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao, cũng như tiền sinh hoạt phí của HSSV.

chính sách tín dụng đối với HSSV tại Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ, trong đó kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định riêng về tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM theo trình tự, thủ tục rút gọn (thay cho nhiệm vụ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg về tín dụng đối với HSSV tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025); đồng thời Bộ Tài chính có công văn số 2430/BTC-TCNH ngày 28/02/2025 đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo, đánh giá cụ thể các nội dung liên quan đến các ngành học STEM, ước tính số lượng HSSV học ngành STEM có nhu cầu vay vốn để theo học giai đoạn 2026-2030, dự kiến nhu cầu mức vốn vay/năm của 01 HSSV học ngành STEM.

2. Căn cứ báo cáo của Bộ Tài chính tại công văn số 3038/BTC-ĐCTC nêu trên, ngày 25/3/2025, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2479/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ đồng ý về việc nghiên cứu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định riêng về tín dụng đối với HSSV theo trình tự, thủ tục rút gọn để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ.

3. Ngày 13-14/3/2025, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tổ chức Đoàn khảo sát liên Bộ làm việc với 06 trường đại học hàng đầu về đào tạo các ngành STEM tại TP. Hà Nội (ngày 13/3/2025) và TP. Hồ Chí Minh (ngày 14/3/2025) phục vụ nghiên cứu, xây dựng chính sách tín dụng ưu đãi dành riêng cho người học các ngành STEM. *(Báo cáo kết quả Đoàn khảo sát xin trình kèm theo)*

4. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế và báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1392/BGDĐT-GDĐH ngày 28/3/2025, Bộ Tài chính đã xây dựng, hoàn thiện dự thảo Quyết định và đã có công văn số ... ngày .../.../2025 gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan, một số trường đại học và công văn số ... ngày .../.../2025 đăng lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi công chúng.

5. Trên cơ sở văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan và các trường đại học, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định và có công văn số ... ngày .../.../2025 gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

6. Ngày .../.../2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định. Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định.

Như vậy, việc xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với HSSV, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán để hỗ trợ trang trải chi phí học tập, sinh hoạt trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Bố cục: Dự thảo Quyết định bao gồm 18 Điều về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; đối tượng vay vốn; điều kiện vay vốn; nguyên tắc cho vay và vay vốn; phương thức cho vay; mức vốn cho vay; lãi suất cho vay; đồng tiền cho vay, trả nợ; thời hạn cho vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn; bảo đảm tiền vay; nguồn vốn cho vay; phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro; chế độ báo cáo; tổ chức thực hiện; xử lý vi phạm; và điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định như sau:

3.1. Về đối tượng vay vốn (Điều 3):

- Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ đạo nhiệm vụ về "*có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng để thu hút HSSV giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học*".

- Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về "*có ưu đãi đặc biệt đối với các ngành STEM*".

- Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể "*xây dựng chính sách đột phá về tín dụng đối với học sinh, sinh viên học các ngành STEM*".

- Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật nào quy định ngành STEM và công nghệ then chốt bao gồm những ngành học cụ thể nào tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Qua khảo sát thực tế tại 06 trường đại học đào tạo ngành STEM của Đoàn khảo sát và theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1392/BGDĐT-GDĐH ngày 28/3/2025, các trường đại học xây dựng các ngành đào tạo STEM (và mã ngành học cụ thể) bám sát quy định tại Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hướng dẫn liên quan (Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó các hệ thống ngành đào tạo lớn trong lĩnh vực STEM bao gồm: (i) khoa học sự sống, (ii) khoa học tự nhiên, (iii) máy tính và công nghệ thông tin, (iv) công nghệ kỹ thuật, (v) kỹ thuật, (vi) kiến trúc và xây dựng, (vii) sản xuất và chế biến, (viii) toán và thống kê.

Ngoài ra, thực tế khảo sát cho thấy các trường đại học cũng có ngành đào tạo về "Công nghệ tài chính" (fintech) thuộc hệ thống ngành "Kinh doanh và

quản lý" cũng cần thiết nghiên cứu để bổ sung vào đối tượng được ưu tiên vay vốn tại chương trình này do lĩnh vực công nghệ tài chính cũng đang được Nhà nước ưu tiên khuyến khích phát triển.

- Từ tình hình trên, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về đối tượng vay vốn tại dự thảo Quyết định như sau:

"*HSSV, học viên, nghiên cứu sinh đang theo học ngành đào tạo về khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ tài chính, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, kiến trúc và xây dựng, sản xuất và chế biến, toán và thống kê theo quy định Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan, tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.*"

3.2. Về điều kiện vay vốn (Điều 4):

- Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị chỉ đạo về việc "*...thu hút HSSV giỏi...*". Tuy nhiên, Nghị quyết này chưa nêu rõ nội hàm HSSV giỏi là chỉ giỏi về trong các môn học, ngành học liên quan đến STEM (thường là các môn khoa học tự nhiên, khoa học sự sống và toán) hay HSSV tốt nghiệp loại giỏi (gồm nhiều môn học khác nhau theo chương trình đào tạo chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Qua khảo sát thực tế, cơ bản các trường đại học có ý kiến các ngành học STEM là các ngành khó, mang tính kỹ thuật cao, thời gian học dài, vất vả, tiêu chuẩn đầu vào và đầu ra đều cao hơn các ngành khác nên thông thường HSSV quyết định theo học và được tuyển sinh vào các khối ngành này cơ bản đều là HSSV giỏi đều các môn học STEM. Bên cạnh đó, do các ngành STEM là ngành học khó nên tỷ lệ HSSV đạt kết quả loại giỏi hằng năm là rất thấp, chủ yếu HSSV đạt kết quả loại khá đã đáp ứng tốt chất lượng học tập của trường. Đối với học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiếp tục quan tâm theo học ngành STEM thì cơ bản những người học này đã tốt nghiệp đại học, là những sinh viên khá, giỏi và đam mê cống hiến cho lĩnh vực khoa học, đổi mới sáng tạo.

- Từ tình hình trên, để đảm bảo năng lực toàn diện của HSSV, học viên, nghiên cứu sinh theo học các ngành STEM, phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW và kết quả khảo sát thực tế, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện vay vốn tại dự thảo Quyết định như sau:

"*1. HSSV phải tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật và đáp ứng điều kiện sau tại thời điểm NHCSXH quyết định cho vay vốn theo quy định tại Quyết định này:*

a) Đối với học sinh, sinh viên năm nhất: Có ba năm học trung học phổ thông đạt xếp loại học lực loại khá trở lên theo quy định của pháp luật;

b) Đối với học sinh, sinh viên từ năm hai trở đi: Có kết quả học tập trung bình các môn học đạt loại khá trở lên theo quy định của pháp luật tại năm trước

liền kề với năm xin vay vốn tại NHCSXH.

2. Học viên, nghiên cứu sinh phải tốt nghiệp đại học theo quy định của pháp luật tại thời điểm NHCSXH quyết định cho vay vốn theo quy định tại Quyết định này."

3.3. Về phương thức cho vay (Điều 6):

- Hiện nay, NHCSXH đang cho vay chính sách tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, cận nghèo, hộ mức sống trung bình, mồ côi cha mẹ...) theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg) theo 02 phương thức: (i) thông qua hộ gia đình hoặc (ii) cho vay trực tiếp đối với HSSV trong một số trường hợp đặc thù (như HSSV đã đủ 18 tuổi nhưng mồ côi cha, mẹ hoặc có cha, mẹ nhưng cha, mẹ không còn sức lao động). Theo báo cáo của NHCSXH, đến nay phương thức cho vay này chưa phát sinh khó khăn, vướng mắc và đã góp phần giảm rủi ro trong cho vay đối với NHCSXH, cũng như tăng cường trách nhiệm trả nợ của hộ gia đình.

- Do đó, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về phương thức cho vay tại dự thảo Quyết định tương tự như phương thức cho vay tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg nêu trên, cụ thể như sau:

"*1. NHCSXH cho vay thông qua hộ gia đình đối với người học trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*

2. NHCSXH cho vay trực tiếp người học trong các trường hợp sau:

a) Người học đã đủ 18 tuổi mồ côi cả cha và mẹ;

b) Người học đã đủ 18 tuổi có cha, mẹ nhưng cha, mẹ không còn sức lao động hoặc không có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật."

3.4. Về mức vốn cho vay (Điều 7):

- Qua khảo sát thực tế tại 06 trường đại học tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, học phí đào tạo ngành STEM của các chương trình đại trà khoảng 30-50 triệu đồng/năm, các chương trình tiên tiến/hợp tác với nước ngoài khoảng 50-70 triệu đồng/năm, các chương trình đào tạo của một số cơ sở giáo dục đại học tư nhân/quốc tế có thể lên tới 200-300 triệu đồng/năm hoặc cao hơn; chi phí sinh hoạt cơ bản của người học theo khảo sát tại 02 địa bàn TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh trong khoảng 3-5 triệu đồng/tháng. Như vậy, mức học phí cao nhất ngành STEM khoảng hơn 1,2 tỷ đồng/khóa học 4 năm; mức trung bình khoảng 200 triệu đồng/khóa học 4 năm.

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1392/BGDĐT-GDĐH ngày 28/3/2025, đối với HSSV học các ngành STEM, mức nhu cầu vay vốn trung bình khoảng 9,5 triệu đồng/tháng, trong đó bao gồm 5 triệu đồng/tháng tiền sinh hoạt phí và 4,5 triệu đồng tiền học phí và chi phí liên quan khác (tương đương học phí/năm khoảng 45 triệu đồng, cả khóa học khoảng 180 triệu đồng).

- Với mục tiêu tạo cơ chế đặc thù, thực sự hấp dẫn thu hút HSSV, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học các ngành STEM theo yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và Nghị quyết số 71/NQ-CP; và để đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học (học trường công, trường tư, trường quốc tế; học chương trình đại trà hoặc tiên tiến/liên kết), Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về mức vốn cho vay tại dự thảo Quyết định theo hướng như sau:

"1. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học bao gồm toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường)[2] theo xác nhận của nhà trường và tiền sinh hoạt phí tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

2. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này, NHCSXH xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học."

3.5. Về bảo đảm tiền vay (Điều 12):

- Đối với một số chương trình tín dụng cho vay để sản xuất, kinh doanh hiện nay tại NHCSXH thì với mức vay vốn trên 100 triệu đồng đã phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Đối với chính sách tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg) thì khách hàng vay vốn không phải thực hiện bảo đảm tiền vay, tuy nhiên với mức cho vay của chính sách này là 4 triệu đồng/tháng/HSSV thì mức vay vốn tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay là khoảng 250 triệu đồng/khóa học.

- Từ tình hình trên, để đồng thời thực hiện mục tiêu giảm rủi ro đối với nguồn vốn cho vay của NHCSXH (chủ yếu hướng tới trường hợp người học tại các cơ sở giáo dục đại học tư nhân/quốc tế tại Việt Nam có học phí cao) và mục tiêu tạo cơ chế hấp dẫn đặc biệt nhằm thu hút người theo học ngành STEM theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về bảo đảm tiền vay tại dự thảo Quyết định như sau:

"1. Khách hàng vay vốn dưới 500 triệu đồng thì không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

2. Khách hàng vay vốn từ 500 triệu đồng trở lên thì phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH."

3.6. Về lãi suất cho vay (Điều 8):

- Qua khảo sát thực tế, các trường đại học đều có ý kiến đề xuất cần thiết phải giảm mức lãi suất cho vay hơn (khoảng 5%/năm) so với mặt bằng lãi suất cho vay HSSV hiện hành quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg) (hiện nay đang là

---

[2] Qua khảo sát thì các trường đào tạo ngành STEM đều có cơ chế học bổng, hỗ trợ tài chính cho HSSV (từ nguồn quỹ học bổng của trường hoặc từ hỗ trợ của các nhà tài trợ); có thể hỗ trợ bằng tiền cho HSSV trả học phí hoặc trừ thẳng vào học phí phải nộp của HSSV.

6,6%/năm, tương đương lãi suất cho vay hộ nghèo tại NHCSXH); riêng Đại học Bách khoa Hà Nội có ý kiến đề xuất giảm thấp xuống khoảng 3%/năm.

- Tuy nhiên hiện nay, NHCSXH đang triển khai cho vay nhiều chương trình tín dụng với các mức lãi suất khác nhau, trong đó các chương trình cho vay phổ biến nhất đối với một số đối tượng chính sách khó khăn, được ưu tiên vay vốn theo chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng có lãi suất trên 6%/năm như: chương trình cho vay hộ nghèo có lãi suất 6,6%/năm; chương trình cho vay hộ cận nghèo có lãi suất 7,92%/năm; chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo có lãi suất 8,25%/năm; chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn có lãi suất 9%/năm…

- Do đó, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định mức lãi suất cho vay đối với người học các ngành STEM bằng với lãi suất cho vay đối với hộ nghèo tại NHCSXH trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật (hiện nay mức lãi suất là 6,6%/năm).

- Trong thời gian tới, trên cơ sở đánh giá, so sánh về tính ưu đãi của lãi suất cho vay đối với hộ nghèo so với mặt bằng lãi suất thị trường, cũng như căn cứ chi phí huy động vốn của NHCSXH, đề nghị NHCSXH nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh giảm lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định của pháp luật để phù hợp với tình hình thực tế; theo đó các chương trình tín dụng neo theo lãi suất cho vay hộ nghèo (như chương trình này) cũng được giảm lãi suất tương ứng.

3.7. Về thời hạn cho vay (Điều 10):

- Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ngành STEM tìm được việc làm, có thu nhập và tính toán của NHCSXH và Bộ Tài chính để đảm bảo thời gian cho vay phù hợp cho khách hàng vay vốn cân đối trả được nợ cho NHCSXH, cũng như trên cơ sở thực tế triển khai quy định về thời gian cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg) thời gian qua, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định tại dự thảo Quyết định theo hướng:

"*1. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính bao gồm thời hạn giải ngân vốn vay và thời hạn trả nợ.*

2. Thời hạn giải ngân vốn vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày người học kết thúc khóa học, kể cả thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có):

a) Thời hạn giải ngân vốn vay được chia thành các kỳ hạn giải ngân vốn vay do NHCSXH quy định hoặc thoả thuận với khách hàng vay vốn;

b) NHCSXH không giải ngân vốn vay trong thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có);

c) Trong thời hạn giải ngân vốn vay, khách hàng vay vốn chưa phải trả

nợ gốc và lãi; lãi tiền vay được tính kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc.

3. Thời hạn trả nợ do NHCSXH quyết định, tối đa bằng thời hạn giải ngân vốn vay trừ đi thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có), trong đó:

a) Khách hàng vay vốn phải bắt đầu thời hạn trả nợ muộn nhất sau 12 tháng kể từ ngày người học kết thúc khóa học; khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn;

b) Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do NHCSXH quyết định."

- Với thời hạn cho vay theo quy định nêu trên thì trường hợp người học được cho vay từ khi bắt đầu khóa học và khóa học thông thường kéo dài 4 năm thì tổng thời hạn cho vay tối đa đối với người học có thể lên tới 9 năm (chưa kể thời gian gia hạn nợ trong trường hợp khách hàng vay vốn gặp khó khăn trong trả nợ). Đây là thời hạn cho vay dài và có đủ thời gian cho khách hàng vay vốn cân đối trả được nợ cho NHCSXH (tương tự như thời hạn cho vay đang áp dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg).

3.8. Về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn (Điều 11):

- Trong quá trình triển khai chính sách này (tương tự như bất kỳ chính sách tín dụng khác) có thể phát sinh rủi ro khách hàng vay vốn chưa trả được đầy đủ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký với NHCSXH do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, do đó cần có quy định liên quan đến cơ cấu lại thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn; theo đó để linh hoạt trong quá trình điều hành của NHCSXH, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ trong dự thảo Quyết định này chỉ quy định những nội dung cơ bản về nguyên tắc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn; đối với nội dung cụ thể hơn do NHCSXH hướng dẫn, cụ thể như sau:

"1. NHCSXH xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng vay vốn và kết quả đánh giá của NHCSXH về khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn, cụ thể như sau:

a) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và được NHCSXH đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh thì NHCSXH xem xét, quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng vay vốn;

b) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đầy đủ trong thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và được NHCSXH đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn trả nợ thì NHCSXH xem xét, quyết định gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn; tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời hạn trả nợ.

2. NHCSXH thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ vay của khách

hàng vay vốn trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và không được NHCSXH điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Quyết định này;

b) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đầy đủ khi kết thúc thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và không được NHCSXH gia hạn nợ theo quy định tại Quyết định này;

c) Khách hàng vay vốn không có khả năng trả nợ đầy đủ khi kết thúc thời gian gia hạn nợ và không được NHCSXH tiếp tục gia hạn nợ.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, NHCSXH ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn tại NHCSXH."

3.9. Về nguồn vốn cho vay (Điều 13):

- Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ đạo mục tiêu "*bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển*".

- Chỉ thị 39/CT-TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới đã chỉ đạo "*ưu tiên tập trung nguồn lực, đa dạng hoá các kênh huy động vốn để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội, bảo đảm nguồn vốn hoạt động được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho NHCSXH, trong đó nguồn ngân sách nhà nước và có tính chất ngân sách nhà nước là chủ đạo, nguồn ủy thác từ các địa phương là quan trọng, đồng thời tăng cường huy động sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế.*"

- Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến nhu cầu nguồn lực để triển khai cho vay chương trình này là tương đối lớn (dự kiến khoảng 3.500 tỷ đồng/năm); trong khi đó các kênh huy động vốn của NHCSXH còn hạn chế và cần đáp ứng nhu cầu của nhiều chương trình cho vay khác (hiện nay NHCSXH đang cho vay trên 20 chương trình tín dụng chính sách). Chương trình tín dụng đối với HSSV, học viên, nghiên cứu sinh theo học các ngành STEM là chương trình tín dụng nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đó cần thiết được bố trí nguồn vốn ổn định, lâu dài cho NHCSXH triển khai thực hiện.

Do đó, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về nguồn vốn cho vay tại dự thảo Quyết định từ cả nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn vốn do NHCSXH huy động theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

"*Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này bao gồm:*

1. Nguồn vốn đầu tư công do ngân sách trung ương cấp cho NHCSXH

theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn do ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn do NHCSXH huy động theo quy định của pháp luật."

3.10. Về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro (Điều 14): Do hiện nay đã có các quy định riêng về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH (cho tất cả các chương trình tín dụng tại NHCSXH), Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH[3].

3.11. Về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành (Điều 17, 18):

Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể các nội dung sau để tổ chức thực hiện, thi hành Quyết định, đảm bảo khả thi, cụ thể:

- Quy định trách nhiệm của NHCSXH, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các cấp và các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện Quyết định.

- Ngoài ra, tại dự thảo Quyết định này cũng quy định trường hợp khách hàng là HSSV đang vay vốn theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), nếu thuộc đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn theo quy định tại Quyết định này thì được chuyển sang áp dụng cơ chế vay vốn theo quy định tại Quyết định này trong thời gian học còn lại.

V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế: Dự thảo Quyết định không có quy định trái với các cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trong đó có cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

2. Về thủ tục hành chính: Dự thảo Quyết định không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

3. Về vấn đề bình đẳng giới: Dự thảo Quyết định không quy định các nội dung tạo ra sự phân biệt về giới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Về nhân lực:

---

[3] Hiện nay đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021).

Dự kiến sau khi Quyết định được ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định có trách nhiệm thi hành, trong đó:

- NHCSXH chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Quyết định. NHCSXH sử dụng bộ máy, nguồn nhân lực có sẵn của hệ thống để triển khai thi hành Quyết định, không phát sinh nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn người lao động để thực hiện nhiệm vụ.

- Các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định. Trong đó, chú trọng vào đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật sau khi Quyết định ban hành, tránh trường hợp pháp luật có quy định nhưng người dân không được tiếp cận để áp dụng trên thực tế. Các bộ, ngành sử dụng nguồn nhân lực có sẵn để thực hiện.

2. Về nguồn lực tài chính:

- Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 1392/BGDĐT-GDĐH ngày 28/3/2025, trong giai đoạn 2026-2030, ước tính số lượng HSSV học ngành STEM có nhu cầu vay vốn/năm khoảng 35.380 HSSV. Theo kết quả khảo sát thực tế của Đoàn khảo sát thì mức nhu cầu vay vốn trung bình của HSSV học các ngành STEM khoảng 100 triệu đồng/năm (bao gồm 50 triệu đồng tiền học phí và 50 triệu đồng tiền sinh hoạt phí). Như vậy, ước tính nhu cầu nguồn vốn để NHCSXH cho vay hằng năm khoảng 3.500 tỷ đồng.

- Nguồn vốn để cho vay từ các nguồn: (i) NHCSXH huy động theo quy định của pháp luật; (ii) Ngân sách trung ương cấp cho NHCSXH từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm; (iii) Ngân sách địa phương ủy thác hằng năm cho NHCSXH. Việc cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHCSXH để triển khai nhiệm vụ tín dụng chính sách này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế quản lý tài chính tại NHCSXH.

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế trung hạn và hằng năm, NHCSXH xem xét, cân đối nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để cân đối, bố trí vốn NSNN trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để cấp cho NHCSXH trước khi thực hiện chính sách tín dụng đối với người học các ngành STEM theo quy định tại Quyết định này. Bên cạnh đó, đối với nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp có thể báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH theo quy định của pháp luật để cho vay thực hiện chương trình tín dụng này.

VII. VỀ Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN

1. Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của … cơ quan và … trường đại học. Bộ Tài chính đã tiếp thu và giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan tại "*Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân*" trình kèm theo Tờ trình này.

2. Về cơ bản, các cơ quan đều thống nhất với sự cần thiết ban hành Quyết định và các nội dung chủ yếu của Quyết định; một số nội dung giải trình bổ

sung, Bộ Tài chính đã giải trình đầy đủ tại Bản tổng hợp nêu trên.

VIII. VỀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2025, Bộ Tư pháp có ... ý kiến đề nghị Bộ Tài chính xem xét, nghiên cứu để hoàn thiện dự thảo Quyết định và Tờ trình Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tài chính đã tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Tờ trình này và dự thảo Quyết định. Các nội dung tiếp thu, giải trình cụ thể được tổng hợp tại "*Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*" trình kèm theo Tờ trình này.

IX. KIẾN NGHỊ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Từ tình hình nêu trên, sau khi tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV, học viên, nghiên cứu sinh học các ngành STEM.

Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và ký ban hành Quyết định./.

(Hồ sơ trình kèm Tờ trình này gồm: (i) Dự thảo Quyết định; (ii) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (iii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- NHCSXH;
- Lưu: VT, Vụ ĐCTC (N.D.Linh - b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
Phục vụ xây dựng chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM)

Triển khai nhiệm vụ liên quan đến xây dựng chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên (HSSV) học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các Bộ, ngành liên quan tổ chức Đoàn khảo sát làm việc với một số trường đại học hàng đầu về đào tạo các ngành STEM tại TP. Hà Nội (ngày 13/3/2025) và TP. Hồ Chí Minh (ngày 14/3/2025) để phục vụ nghiên cứu, xây dựng chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM.

Tại TP. Hà Nội, Đoàn khảo sát đã làm việc, trao đổi với các trường: (i) Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, (ii) Đại học Bách khoa Hà Nội, (iii) Trường Đại học VinUni.

Tại TP. Hồ Chí Minh, Đoàn khảo sát đã làm việc, trao đổi với các trường: (i) Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, (ii) Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, (iii) Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.

Đoàn khảo sát báo cáo kết quả khảo sát như sau:

I. THÔNG TIN, DỮ LIỆU KHẢO SÁT TỪ CÁC TRƯỜNG

1. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

1.1. Về ngành học STEM

Trường đang đào tạo các ngành học STEM cụ thể về: Khoa học máy tính (Khoa học dữ liệu); Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (Kỹ thuật dữ liệu); Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ thông tin (CNTT, CNTT_CLC, CNTT_UDU, CNTT Việt Nhật); An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện điện tử, Chương trình Thiết kế vi mạch); Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện tử viễn thông; Công nghệ đa phương tiện (Công nghệ đa phương tiện, Thiết kế và phát triển game), cụ thể:

TT	Tên ngành/chương trình	Mã ngành/CT
1	Kỹ thuật điện tử viễn thông	7520207
2	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	7520216
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301
4	Công nghệ thông tin	7480201
5	An toàn thông tin	7480202
6	Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu)	7480101
7	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (Kỹ thuật dữ liệu)	7480102
8	Công nghệ đa phương tiện	7329001

1.2. Về đối tượng theo học ngành STEM

a) Trường cung cấp bảng quy mô sinh viên hệ chính quy theo nhóm ngành công nghệ - kỹ thuật (tính tới thời điểm 31/12/2024):

TT	Tên ngành	Quy mô sinh viên (31/12/2024)
1	Công nghệ thông tin	2858
2	An toàn thông tin	1025
3	Cử nhân CNTT định hướng ứng dụng	460
4	Công nghệ thông tin Chất lượng cao	377
5	Công nghệ thông tin Việt Nhật	112
6	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	147
7	Mạng Máy tính và Truyền thông Dữ liệu	186
8	Điện tử viễn thông	1695
9	KT Điện-Điện tử	1016
10	Khoa học Máy tính	391
11	Công nghệ Đa phương tiện	897
	Tổng cộng ĐH	**9164**

b) Điều kiện tuyển sinh đối với các ngành STEM của trường:

- Phương thức 1: Xét tuyển tài năng gồm có:

(1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: đối với các thí sinh là thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

(2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực: đối với các thí sinh có Thành tích đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia (giải Khuyến

khích), cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW (Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích), thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển *hoặc* là học sinh tại các trường THPT chuyên.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp. Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế (Chứng chỉ SAT/ACT) *hoặc* Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL) *với* kết quả học tập ở bậc.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

c) Theo đánh giá của trường, chính sách ưu đãi cần đồng bộ: cơ sở vật chất cho học tập và nghiên cứu; học bổng và các khoản hỗ trợ học tập, học liệu, nhưng quan trọng là Nhà nước cần có chính sách, nhà trường và doanh nghiệp tăng cường hợp tác để sinh viên được trang bị các kiến thức có thể đáp ứng ngay yêu cầu công việc sau khi ra trường và được tuyển dụng (có việc làm và có mức thu nhập cao) ngay sau khi tốt nghiệp.

d) Thời gian trung bình để sinh viên ngành STEM có thể tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp là khoảng 3 - 6 tháng.

đ) Sinh viên ngành STEM khi ra trường có mức thu nhập khởi điểm trung bình là khoảng 8 -15 triệu/tháng tùy theo trình độ và kinh nghiệm sinh viên tích lũy được khi đang học tại nhà trường.

1.3. Về học phí

- Mức học phí trung bình/năm của các ngành STEM tại trường là: 33 triệu/năm.

- Ngành STEM có học phí cao nhất tại trường là: 55 triệu/năm (các chương trình chất lượng cao).

- Mức học bổng khuyến khích học tập cao nhất của sinh viên Học viện vào khoảng 24 triệu đồng/học kỳ. Học viện thực hiện chung chế độ học bổng cho sinh viên tất cả các ngành, bao gồm các loại học bổng:

+ Học bổng khuyến khích học tập: mức học bổng từ 100% - 120% mức học phí thực tế theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học trong kỳ học;

+ Miễn giảm học phí cho sinh viên được hưởng chính sách nhà nước: ngoài học phí được miễn giảm theo quy định của Nhà nước, phần chênh lệch giữa học phí của Nhà nước quy định cho các trường chưa tự chủ và học phí của Học viện (đã tự chủ tài chính) được Học viện cấp bù cho người học

+ Học bổng sinh viên tài năng: các sinh viên được giải Ba trở lên các cuộc thi Quốc gia, Quốc tế được Học viện cấp học bổng từ 30% - 100% học phí (áp dụng từ năm học 2024 - 2025)

+ Học bổng đầu vào: tân sinh viên có kết quả cao khi xét tuyển đầu vào Đại học chính quy được Học viện cấp học bổng từ 50% - 100% học phí năm đầu, 100% học phí cho toàn khóa học và 500 triệu đồng cho toàn khóa học cùng với sinh hoạt phí, miễn phí ở KTX, tham gia chương trình trao đổi sinh viên quốc tế;

+ Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Học viện cấp học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, không thuộc đối tượng chính sách xã hội và có nỗ lực vươn lên trong học tập.

1.4. Về sinh hoạt phí

- Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên tại khu vực trường khoảng 4 triệu đồng/tháng. Với gói học bổng đầu vào 500 triệu cho tân sinh viên hiện nay, Học viện cấp sinh hoạt phí cho sinh viên là 3,6 triệu/tháng và miễn phí ở KTX.

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng chủ yếu từ trợ cấp từ gia đình, đi làm thêm.

- Trường hợp sinh viên sống trong kí túc xá thì mức phí lưu trú ký túc xá hiện nay của Học viện là: 200.000 đồng/tháng - 1.800.000 đồng/tháng tùy theo số người/phòng đã bao gồm tiền điện cơ bản.

1.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM

Trường có ý kiến đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí. Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

2. Đại học Bách khoa Hà Nội

2.1. Về ngành học STEM

- Trường đang đào tạo 54 mã ngành STEM.

- 04 định hướng KHCN trường đang ưu tiên phát triển, đào tạo giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng 2030 gồm:

(1) Công nghệ dữ liệu và hệ thống thông minh

(2) Năng lượng và môi trường bền vững

(3) Vật liệu mới

(4) Khoa học và Công nghệ sức khỏe

2.2. Về đối tượng theo học ngành STEM

a) Về số lượng sinh viên theo học các ngành STEM: Giai đoạn 2019-2024, mỗi năm trường tuyển 6500 – 8000 sinh viên. Dự kiến 2025 tuyển 9680 trong đó khoảng 8000 sinh viên khối KT-CN

b) Các phương thức xét tuyển

(1) Xét tuyển tài năng: Gồm các phương thức sau:

- Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025, đạt thành tích cao trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG), cuộc thi Khoa học kỹ thuật (KHKT) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Xét tuyển theo chứng chỉ Quốc tế: Thí sinh có điểm trung bình chung (TBC) học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt 8.0 trở lên; Có ít nhất 1 trong các chứng chỉ Quốc tế sau: SAT, ACT...

- Xét tuyển theo Hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025, có điểm TBC học tập các môn có điểm số từng năm học lớp 10, 11 và lớp 12 đạt 8.0 trở lên và đáp ứng một số các điều kiện tài năng khác.

(2) Xét tuyển theo điểm thi Đánh giá tư duy (TSA):

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi Đánh giá tư duy (ĐGTD) do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức;

- Điều kiện dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt ngưỡng điểm TSA do ĐHBK Hà Nội quy định (thông báo sau).

(3) Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025.

c) 94% sinh viên ngành STEM có việc làm hoặc đi học tiếp ngay sau khi tốt nghiệp. Mức thu nhập trung bình như sau:

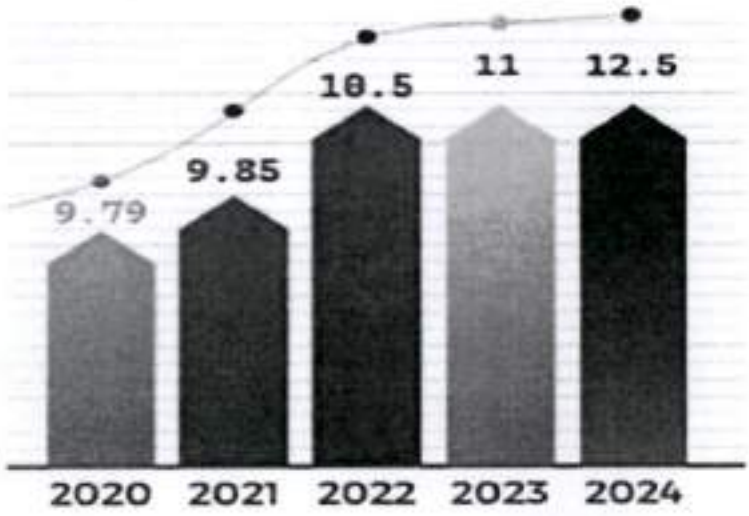

Thu nhập trung bình (triệu VNĐ/tháng)

2.3. Về học phí

- Mức học phí trung bình/năm của các ngành STEM tại trường:

+ Chương trình chuẩn: 24-30 triệu đồng/năm

+ Các chương trình ELITECH: 33 đến 42 triệu đồng/năm

+ Chương trình KH dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (IT-E10): 67 triệu đồng/năm

- Chính sách học bổng hoặc hỗ trợ tài chính cho sinh viên ngành STEM:

+ Học bổng khuyến khích học tập (KKHT): được xét theo Khoá, Ngành đào tạo và theo thứ tự ưu tiên lần lượt từ loại A 150% học phí (GPA >= 3,6, ĐRL >=90), loại B 120% học phí (GPA >= 3,2, ĐRL >=80), đến loại C 100% học phí (GPA >= 2,5, ĐRL >=65), từ GPA cao xuống GPA thấp (cho đến khi hết quỹ học bổng). Trung bình hàng năm có khoảng 3000 lượt sinh viên được nhận học bổng này.

+ Học bổng Trần Đại Nghĩa: xét cấp cho sinh viên có hoàn cảnh kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn (hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn khác, sinh viên gặp tai nạn, rủi ro đột xuất) có kết quả học tập và rèn luyện tốt (CPA >= 2,0, ĐRL >=65). Mức học bổng 50% hoặc 100% học phí. Trung bình hàng năm có khoảng 200 lượt sinh viên được nhận học bổng này.

+ Học bổng tài trợ: do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ cho sinh viên. Trung bình hàng năm khoảng 500 lượt sinh viên được nhận học bổng này.

+ Học bổng trao đổi: Từ năm 2024 ĐHBK Hà Nội bắt đầu triển khai chương trình cấp học bổng cho sinh viên sang học tập, thực tập ngắn hạn tại các trường đối tác nước ngoài. Kinh phí học bổng dành cho năm 2024 là 5 tỷ đồng. Ngoài nguồn học bổng do Đại học cấp, mỗi năm sinh viên ĐHBK Hà Nội còn nhận được hàng trăm suất học bổng tài trợ cho sinh viên sang học tập, thực tập tại nước ngoài từ các nguồn hợp tác quốc tế song phương và đa phương của ĐHBK Hà Nội

+ Học bổng gắn kết quê hương: Từ năm 2024 ĐHBK Hà Nội sẽ dành 2 tỷ đồng để cấp Học bổng gắn kết quê hương cho sinh viên, học viên chương trình kỹ sư chuyên sâu đặc thù có đồ án/khóa luận tốt nghiệp (ĐANT) góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh, sản xuất hoặc chất lượng các dịch vụ an sinh xã hội tại quê hương của sinh viên/học viên.

2.4. Về sinh hoạt phí

- Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên tại khu vực trường khoảng 3 - 5tr/tháng.

TT	Khoản cần chi	Mức chi (triệu/năm)
1	Học phí	30 - 60
2	BHYT, bảo hiểm thân thể, Đoàn/Hội phí	2 - 2,5
3	Thuê nhà	18 - 30
4	Ăn uống	21 - 30
5	Đi lại (xe buýt hoặc đi xe máy+gửi xe)	2 - 5
6	Tài liệu, sách bút	1 - 3
7	Chi vặt và phát sinh khác (đi chơi, bạn bè...)	5 - 10
Tổng chi phí khoảng		**80 - 140**

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng chủ yếu từ bố mẹ, đi làm thêm, vay vốn.

- Hiện nay trường có 4000 chỗ ở KTX, trung bình 500k/tháng.

2.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM

- Trường có ý kiến cho rằng định mức vay đối với chương trình tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay đang cào bằng là chưa phù hợp, do nhu cầu vay vốn của HSSV là khác nhau, từ mức học phí đến mức sinh hoạt phí. Do đó, trường kiến nghị xem xét quy định mức vốn cho phù hợp, nếu được thì căn theo học phí phải đóng của HSSV. Nếu được thì có thể gắn chính sách cho vay người học với các tiêu chí đánh giá/xếp hạng/phân tầng của cơ sở đào tạo.

- Trường đề nghị giảm lãi suất vay xuống khoảng 3-4%/năm.

3. Trường Đại học VinUni

3.1. Về ngành học STEM

Trường có các chương trình đào tạo ngành STEM như sau:

- Cử nhân kỹ thuật cơ khí gồm các chuyên ngành: Cơ điện tử, Kỹ thuật ô tô, Hệ thống và sản xuất, Năng lượng và sự bền vững.

- Cử nhân kỹ thuật điện gồm các chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính, Truyền thông và xử lý tín hiệu, Điều kiển và tự động hóa, Điện và năng lượng sạch.

- Cử nhân khoa học máy tính gồm các chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Phân tích dữ liệu, An ninh mạng.

- Cử nhân khoa học dữ liệu gồm các chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Truyền thông, Marketing, Phân tích kinh doanh, Nền tảng kinh doanh, Tài

chính, Quản lý dịch vụ sức khỏe.

Các ngành đào tạo STEM của trường đều được xây dựng theo quy định chung của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Về đối tượng học ngành STEM

- Trường có phương thức tuyển sinh riêng, nhằm tuyển chọn những học sinh có năng lực toàn diện trên tất cả các khía cạnh về học tập, khả năng tư duy, tính trách nhiệm và đam mê cống hiến.

- Trường không chủ trương tuyển sinh mở rộng mà tập trung vào chất lượng đầu vào của sinh viên nhiều hơn.

3.3. Về học phí

Trường Đại học VinUni là trường tư theo định hướng đại học quốc tế nên có học phí cao, học phí niêm yết khoảng 800 triệu đồng/năm, tuy nhiên thông qua nhiều hình thức học bổng, hỗ trợ tài chính... thì thông thường học phí HSSV phải trả là khoảng 200-300 triệu đồng/năm.

3.4. Về sinh hoạt phí

Qua khảo sát của trường thì trường hợp sinh viên thuê căn hộ ở chung trong nội khu Vinhomes Ocean Park thì chi phí ăn, ở của sinh viên khoảng 6 triệu đồng/tháng.

3.5. Về kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM

- Trường Đại học VinUni có ý kiến mặc dù mức học phí cao nhưng cũng có nhu cầu HSSV muốn vay vốn để chi trả chi phí học tập nếu có chương trình tín dụng ưu đãi; lý do vì trường có môi trường quốc tế và khả năng tiếp cận việc làm tại tập đoàn quốc tế với mức lương cao, nên vẫn có nhiều HSSV sẵn sàng vay vốn để hỗ trợ tài chính cho quá trình học tập. Do đó, nếu có chương trình cho vay HSSV ngành STEM thì sinh viên của trường cũng có nhu cầu vay vốn.

- Trường có ý kiến nếu được thì mức cho vay đáp ứng được nhu cầu học phí của sinh viên sau khi đã trừ đi các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính của trường (khoảng 200-300 triệu đồng/năm). Trường không có ý kiến đối với mức lãi suất tại chương trình tín dụng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

4. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

4.1. Về ngành học STEM

Trường cung cấp các ngành học STEM trường đang đào tạo như sau:

Row Labels	Khóa 2020	Khóa 2021	Khóa 2022	Khóa 2023	Khóa 2024	Grand Total
752 - Kỹ thuật	**130**	**111**	**77**	**124**	**131**	**573**
Kỹ thuật y sinh	63	45	40	62	62	272
Kỹ thuật công nghiệp	67	66	37	62	69	301
754 - SX Chế biến	**457**	**431**	**342**	**430**	**470**	**2.130**
Kỹ nghệ gỗ và nội thất	56	44	27	53	48	228
Công nghệ may	140	150	156	151	156	753
Công nghệ thực phẩm	261	237	159	226	266	1.149
751 - CN Kỹ thuật	**5.043**	**4.330**	**4.256**	**4.269**	**4.314**	**22.212**
Robot và trí tuệ nhân tạo	20	19	15	64	76	194
Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng	54	41	43	52	60	250
Công nghệ vật liệu	62	61	23	62	91	299
Công nghệ kỹ thuật môi trường	83	94	33	66	76	352
Năng lượng tái tạo	60	45	57	109	137	408
Công nghệ kỹ thuật in	166	159	98	159	148	730
Công nghệ kỹ thuật hóa học	107	173	206	196	224	906
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	172	188	204	141	203	908
Công nghệ kỹ thuật nhiệt	302	240	177	197	187	1.103
Quản lý công nghiệp	398	327	284	242	206	1.457
Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	371	359	364	316	283	1.693
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	464	320	331	334	330	1.779
Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	317	341	335	350	451	1.794
Công nghệ chế tạo máy	437	357	282	381	386	1.843
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	446	309	434	326	328	1.843
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	454	413	447	400	338	2.052
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	548	413	418	421	389	2.189
Công nghệ kỹ thuật ô tô	582	471	505	453	401	2.412
748 - Máy tính - CNTT	**1.050**	**846**	**907**	**834**	**875**	**4.512**
Hệ thống nhúng và IoT	67	45	78	52	63	305
An toàn thông tin			54	114	142	310
Kỹ thuật dữ liệu	117	67	67	84	75	410
Công nghệ kỹ thuật máy tính	317	192	252	219	210	1.190
Công nghệ thông tin	549	542	456	365	385	2.297
758 - Kiến trúc XD	**279**	**207**	**262**	**259**	**296**	**1.303**
Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	49	43	35	55	62	244
Kiến trúc nội thất	62	41	59	51	66	279
Quản lý xây dựng	83	64	76	74	88	385
Kiến trúc	85	59	92	79	80	395
784 - DV Vận tải		**35**	**36**	**51**	**61**	**183**
Quản lý và vận hành hạ tầng		35	36	51	61	183
Grand Total	**6.959**	**5.960**	**5.880**	**5.967**	**6.147**	**30.913**

4.2. Về đối tượng theo học ngành STEM

- Về số lượng sinh viên theo học các ngành STEM tại trường: Tại bảng số liệu nêu trên.

- Trường tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm các hình thức chủ yếu: Xét tuyển tài năng; Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của các đơn vị khác…

- Trường có ý kiến để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành STEM, cần ưu tiên hỗ trợ các nhóm sinh viên đặc thù, bao gồm:

+ Sinh viên nữ: Trong các ngành STEM, đặc biệt là kỹ thuật và công nghệ, tỷ lệ nữ sinh viên còn thấp do định kiến giới và thiếu cơ hội phát triển.

Việc hỗ trợ sinh viên nữ giúp phá vỡ rào cản giới, tạo môi trường bình đẳng và thu hút nhiều tài năng nữ tham gia vào lĩnh vực này.

+ Sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn: Tài chính là một rào cản lớn khiến nhiều sinh viên không thể theo đuổi đam mê trong các ngành STEM. Việc hỗ trợ tài chính giúp đảm bảo cơ hội học tập công bằng và khai thác tiềm năng của những sinh viên có năng lực nhưng thiếu điều kiện kinh tế. Ngoài ra, Sinh viên ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, cơ sở hạ tầng giáo dục và các cơ hội phát triển. Hỗ trợ đặc biệt giúp họ vượt qua rào cản địa lý, văn hóa và kinh tế, đồng thời góp phần phát triển nguồn nhân lực STEM đa dạng và bền vững.

+ Sinh viên có năng khiếu và đam mê nghiên cứu khoa học: Đây là nhóm sinh viên có tiềm năng sáng tạo và đổi mới cao, là nguồn lực quan trọng trong việc phát triển công nghệ và giải quyết các thách thức toàn cầu. Việc đầu tư vào nhóm này giúp thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và tăng cường vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực STEM trên trường quốc tế.

- Việc triển khai một chương trình ưu đãi dành cho các ngành STEM không chỉ góp phần thu hút sinh viên mà còn thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Để tăng cường hiệu quả, cần có những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ như hỗ trợ học phí, học bổng, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và sinh viên nữ theo học các ngành kỹ thuật. Đồng thời, cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu và thực hành, cũng như tạo điều kiện hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, việc tổ chức các chương trình hướng nghiệp, tập huấn STEM cho giáo viên và học sinh THPT cũng giúp nâng cao nhận thức và khơi dậy đam mê khoa học, công nghệ từ sớm. Những chính sách này không chỉ giảm bớt rào cản kinh tế và tâm lý mà còn tạo động lực mạnh mẽ để sinh viên lựa chọn và gắn bó lâu dài với các ngành STEM.

- Thời gian trung bình để sinh viên ngành STEM tìm được việc làm thường trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Tại HCMUTE, sinh viên được trang bị kiến thức chuyên môn vững vàng và kỹ năng thực hành thông qua các chương trình đào tạo thực tiễn, dự án nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp. Đặc biệt, Các khoa và Phòng Quan hệ Doanh nghiệp của trường đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối sinh viên với các cơ hội thực tập và việc làm, giúp tăng tỷ lệ có việc làm ngay sau khi ra trường. Bên cạnh đó, TP.HCM là trung tâm kinh tế, công nghệ và công nghiệp lớn của cả nước, thu hút nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực STEM. Môi trường năng động và đa dạng tại đây mang đến nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, từ các công ty khởi nghiệp công nghệ, tập đoàn lớn cho đến các dự án nghiên cứu phát triển. Nhờ

vào lợi thế này, sinh viên HCMUTE có điều kiện tiếp cận thị trường lao động sớm, phát triển kỹ năng thực tế và nhanh chóng ổn định công việc sau khi ra trường.

- Sinh viên ngành STEM khi ra trường có mức thu nhập khởi điểm trung bình hiện tại dao động 9tr đến 15 triệu và có chiều hướng tăng nhanh tùy vào trình độ và khả năng của sinh viên, đặc biệt là SV vốn ngoại ngữ tốt.

4.3. Về học phí

- Mức học phí trung bình/năm học của các ngành STEM tại trường năm học 2024-2025 khóa tuyển sinh năm 2023 và 2024 đối với Chương trình đài trả là 33.533.000 đồng/năm, Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh là 58.000.000 đồng/năm, Chương trình Việt – Nhật là 49.000.000 đồng/năm. Học phí trung bình các khóa tuyển sinh từ 2022 trở về trước là 30.100.000 đồng/năm.

- Trong đó ngành STEM có mức học phí cao nhất là Kiến trúc và Kiến trúc nội thất với mức học phí năm học 2024-2025 chương trình đại trả là 36.000.000đ/năm.

- Số liệu học phí trung bình 05 năm gần đây:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Học phí 2020-2021	Học phí 2021-2022	Học phí 2022-2023	Học phí 2023-2024	Học phí 2024-2025
Chương trình đại trà	19.500.000	19.500.000	19.500.000	30.750.000	33.533.000
Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh	32.000.000	32.000.000	35.000.000	52.200.000	58.000.000
Chương trình đào tạo Việt - Nhật	32.000.000	32.000.000	34.000.000	46.400.000	49.000.000
Mức trung bình	**27.833.000**	**27.833.000**	**29.500.000**	**43.117.000**	**46.844.000**

- Học phí năm học 2021-2022 giữ nguyên so với học phí năm học 2020-2021 và giảm thêm 3% do Nhà trường chia sẻ khó khăn với phụ huynh và sinh viên theo Công văn số 3277/BGDĐT-KHTC ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chia sẻ khó khăn, hỗ trợ học sinh, sinh viên và phụ huynh trong tình hình dịch bệnh Covid-19. Năm học 2022-2023, chương trình đại trà tiếp tục được giữ nguyên mức học phí của năm trước theo Công văn số 165/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về học phí của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023.

- Từ năm học 2023-2024 Nhà trường xây dựng Định mức Kinh tế - kỹ thuật căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và NĐ 97/2023/NĐ-CP

ngày 31/12/2023 quy định về cơ chế thu và quản lý học phí, và Quyết định 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ GD&ĐT về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025, theo đó Trường được giao quyền tự chủ tài chính Nhóm I (Chi thường xuyên và đầu tư).

- Từ năm 2024, Dự kiến mức tăng học phí không quá 12,5% so với năm liền kề.

- Học phí của Nhà trường được chia theo các nhóm chương trình căn cứ từ định mức kinh tế kỹ thuật và không có các khoản thu khác.

- Hằng năm, trường dành 8% nguồn thu để lập Quỹ hỗ trợ người học HCMUTE (60 tỷ đồng/năm, trung bình 5 năm gần đây), Ngoài ra tiếp nhận hằng năm trung bình gần 20 tỷ tài trợ tiền mặt từ các doanh nghiệp/Cựu SV; hàng trăm tỷ đồng tài trợ dự án, phòng thí nghiệm, trang thiết bị hỗ trợ học tập. Dù nhà trường và xã hội đã cố gắng hỗ trợ, tuy nhiên với mặt bằng chung sinh viên theo học khối ngành STEM đa số là SV có sự đam mê công nghệ, sinh viên khu vực miền trung, tây nguyên còn nhiều khó khăn, nhà trường không thể đáp ứng đủ hết cho sinh viên; Dự tính chỉ đáp ứng hỗ trợ được 60-70% sinh viên có nhu cầu.

4.4. Về sinh hoạt phí

- Mức sinh hoạt phí tại khu vực ngoại thành TP. HCM ước khoảng 3-4 triệu đồng/tháng do bố mẹ người học lo cho con em mình. Một số ít sinh viên có làm thêm.

- Hiện tại Trường có 02 cơ sở KTX nội trú cho sinh viên với 2.300 chỗ. So với quy nô sinh viên hiện tại mới chỉ đáp ứng khoảng 8%. Trường có kế hoạch chuẩn bị đầu tư xây mới khu KTX đáp ứng thêm khoảng 1.200 chỗ; Cộng với KTX ĐH QG TP. HCM và nhà ở bên ngoài trường đáp ứng 100%. Sinh viên ở nội trú KTX không làm giảm đáng kể sinh hoạt phí so với thuê nhà trọ.

4.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM

- Việc áp dụng chính sách tín dụng ưu đãi riêng đối với sinh viên theo học các ngành STEM là rất cần thiết và mang lại nhiều lợi ích. Chính sách này giúp giảm bớt gánh nặng tài chính, đặc biệt là chi phí học phí và chi phí sinh hoạt, tạo điều kiện để sinh viên tập trung vào việc học và nghiên cứu. Việc hỗ trợ tài chính với lãi suất thấp, thời gian trả nợ dài giúp thu hút nhiều học sinh, sinh viên lựa chọn các ngành STEM, đặc biệt là những sinh viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng đam mê khoa học và công nghệ.

- Tiêu chí xác định đối tượng được vay: Mở rộng đối tượng thay vì hiện nay chỉ có sinh viên khó khăn mới được vay mà nên mở rộng là sinh viên ngành

STEM có học lực và rèn luyện từ Khá trở lên được hỗ trợ vay.

- Mức vay hợp lý: Đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí.

- Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

5. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

5.1. Về ngành học STEM

- Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM đang đào tạo những ngành sau: Sinh học, Công nghệ sinh học, Vật lý học, Công nghệ vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn, Hoá học, Khoa học vật liệu, Địa chất học, Hải dương học, Khoa học môi trường, Toán học, Toán ứng dụng , Toán tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ vật liệu, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Thiết kế vi mạch, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật hạt nhân, Vật lý y khoa, Kỹ thuật địa chất.

- Trường quan tâm các nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin, ngành Trí tuệ nhân tạo, Toán học, Công nghệ sinh học, Khoa học vật liệu, Hóa học, Vật lý, Công nghệ bán dẫn, Thiết kế vi mạch theo chủ trương phát triển của Nhà nước.

5.2. Về đối tượng theo học ngành STEM

a) Số lượng sinh viên theo học các ngành STEM tại trường:

STT	Tên ngành	Quy mô
1	Khoa học máy tính	425
2	Trí tuệ nhân tạo	175
3	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	4103
4	Sinh học	1122
5	Công nghệ sinh học	1475
6	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn	1057
7	Hoá học	1670
8	Khoa học vật liệu	566
9	Địa chất học	108
10	Hải dương học	135

11	Khoa học môi trường	561
12	Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin	1179
13	Khoa học dữ liệu	393
14	Công nghệ kỹ thuật hóa học	607
15	Công nghệ vật liệu	320
16	Công nghệ kỹ thuật môi trường	378
17	Thiết kế vi mạch	64
18	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	1558
19	Kỹ thuật hạt nhân	183
20	Vật lý y khoa	228
21	Kỹ thuật địa chất	50

b) Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học chính quy ngày 6/6/2022 của Bộ GD&ĐT.

- Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM; Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức.

- Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi quốc tế (dành cho thí sinh tốt nghiệp THPT theo chương trình nước ngoài).

- Phương thức 6: Xét tuyển dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp với kết quả học tập THPT đối với xét tuyển vào chương trình tăng cường tiếng Anh, chương trình tiên tiến.

c) Trường quan tâm các ngành thuộc nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Toán học, Công nghệ sinh học, Khoa học vật liệu, Hóa học, Vật lý, Công nghệ bán dẫn, Thiết kế vi mạch theo chủ trương phát triển của Nhà nước. Ngoài ra còn SV nhóm 7 ngành khó tuyển (Vật lý học, Hải dương học, Kỹ thuật Hạt nhân, Địa chất học, Kỹ thuật Địa chất, Khoa học Môi trường, Công nghệ Kỹ thuật Môi trường).

d) Các chương trình ưu đãi đối với ngành STEM sẽ góp phần khuyến khích và thu hút nhiều sinh viên lựa chọn theo học các ngành STEM.

đ) Theo khảo sát việc làm sau 1 năm tốt nghiệp thì tỉ lệ trung bình có việc làm của sinh viên ngành STEM tại trường là: 92.43%.

e) Sinh viên ngành STEM khi ra trường có mức thu nhập khởi điểm trung bình:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mức lương trung bình hàng tháng (Vnđ)
1	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	10.450.000
2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	10.440.000
3	7420201	Công nghệ sinh học	10.150.000
4	7480201	Công nghệ thông tin	18.810.000
5	7440201	Địa chất học	12.140.000
6	7440228	Hải dương học	10.100.000
7	7480104	Hệ thống thông tin	14.530.000
8	7440112	Hoá học	11.330.000
9	7480101	Khoa học máy tính	19.240.000
10	7440301	Khoa học môi trường	9.240.000
11	7440122	Khoa học vật liệu	9.910.000
12	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	14.450.000
13	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	8.830.000
14	7480103	Kỹ thuật phần mềm	17.170.000
15	7420101	Sinh học	10.100.000
16	7460101	Toán học	12.130.000
17	7440102	Vật lý học	13.840.000

5.3. Về học phí

- Học phí theo từng ngành:

STT	Tên ngành	Khối ngành	Dự kiến học phí Khóa tuyển 2024			
			2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
			(Năm 1)	(Năm 2)	(Năm 3)	(Năm 4)
1	Sinh học	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
2	Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	46,000,000	50,800,000	54,600,000	58,900,000
3	Công nghệ Sinh học	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
4	Công nghệ Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	46,000,000	50,800,000	54,600,000	58,900,000

5	Vật lý học	IV	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
6	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
7	Công nghệ bán dẫn	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
8	Vật lý học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	40,000,000	46,000,000	50,800,000	54,600,000
9	Hoá học	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
10	Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	50,800,000	54,600,000	58,900,000	63,600,000
11	Khoa học Vật liệu	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
12	Khoa học Vật liệu (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	46,000,000	50,800,000	54,600,000	58,900,000
13	Địa chất học	IV	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
14	Kinh tế đất đai (dự kiến)	IV	30,400,000	34,200,000	38,600,000	43,400,000
15	Hải dương học	IV	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
16	Khoa học Môi trường	IV	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
17	Khoa học Môi trường (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	46,000,000	50,800,000	54,600,000	59,000,000
18	Toán học	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
19	Toán ứng dụng	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
20	Toán tin	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
21	Khoa học Dữ liệu	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
22	Khoa học máy tính (CT Tiên tiến)	V	59,600,000	67,000,000	75,300,000	82,830,000
23	Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh)	V	44,800,000	50,000,000	54,600,000	59,000,000
24	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
25	Trí tuệ nhân tạo	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000

26	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (CT tăng cường tiếng Anh)	V	51,800,000	55,400,000	59,800,000	64,600,000
27	Công nghệ Vật liệu	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
28	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	V	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
29	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
30	Thiết kế vi mạch	V	31,000,000	35,500,000	40,500,000	45,500,000
31	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (CT tăng cường tiếng Anh)	V	40,600,000	44,600,000	49,000,000	53,900,000
32	Kỹ thuật hạt nhân	V	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
33	Vật lý Y khoa	V	28,000,000	32,200,000	37,000,000	41,600,000
34	Kỹ thuật Địa chất	V	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
35	Quản lý tài nguyên và môi trường	VII	24,700,000	28,400,000	32,600,000	37,400,000
36	Công nghệ giáo dục (dự kiến)	I	28,200,000	31,800,000	35,800,000	40,200,000

- Hiện Trường đang triển khai các loại học bổng sau:

+ Học bổng đầu vào: học bổng 7 ngành khó tuyển, học bổng cho sinh viên đạt thành tích xuất sắc đầu vào tuyển sinh, học bổng tân sinh viên các Khoa;

+ Học bổng khó khăn;

+ Học bổng đột xuất;

+ Học bổng tài trợ.

5.4. Về sinh hoạt phí

- Chi phí sinh hoạt của sinh viên tại khu vực trường học(*) trong 5 năm qua (ước tính, ĐVT: VNĐ):

	Năm 2021	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**	**Năm 2025**
SV lưu trú KTX	5.300.000	5.900.000	6.500.000	7.100.000	7.800.000
SV ngoại trú (ngoại tỉnh)	6.150.000	6.750.000	7.400.000	8.200.000	9.000.000

- Chi phí sinh hoạt của sinh viên tại khu vực trường học dự kiến trong 5

năm tới (ước tính, ĐVT: VNĐ):

	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
SV lưu trú KTX	8.600.000	9.450.000	10.400.000	11.400.000	12.500.000
SV ngoại trú (ngoại tỉnh)	9.900.000	10.890.000	11.980.000	13.200.000	14.500.000

(*) Bao gồm: Chi phí ở, ăn uống, đi lại, y tế, bảo hiểm và chi phí phát sinh khác.

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng: Từ gia đình sinh viên; Từ thu nhập sinh viên làm thêm; Sinh viên thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội hàng tháng, chính sách dành cho sinh viên dân tộc thiểu số, chính sách sinh viên khuyết tật; Học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ,...

- Sinh viên lưu trú KTX sẽ được giảm chi phí hơn so với sinh viên ngoại trú (sinh viên đến từ các tỉnh thành ngoài TP. Hồ Chí Minh). Số lượng sinh viên lưu trú tại KTX ĐHQG-HCM năm học 2024-2025: 3991 sinh viên. Số lượng sinh viên lưu trú/chỗ ở đáp ứng cho sinh viên tại KTX Trường (135B Trần Hưng Đạo): 332/660 chỗ ở.

5.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM

- Từ góc độ nhà trường: Nếu chính sách này được triển khai tốt, nhà trường có thể thu hút thêm sinh viên vào các ngành STEM, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Các chương trình học STEM thường có học phí cao hơn do có nhiều môn học thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng trang thiết bị hiện đại, thực tập thực tế, tài liệu nghiên cứu, học thêm ngoại ngữ... SV theo học có thể gặp khó khăn về tài chính, vì vậy hỗ trợ tín dụng sẽ giúp giảm bớt áp lực này.

- Từ góc độ sinh viên: Chính sách tín dụng ưu đãi có thể giúp giảm bớt gánh nặng tài chính, giúp sinh viên an tâm học tập. Nếu đi kèm với điều kiện thuận lợi như lãi suất thấp, thời gian trả nợ sau khi tốt nghiệp dài hơn, thì chắc chắn sẽ thu hút nhiều SV hơn. Một số sinh viên có thể cân nhắc chọn STEM thay vì các ngành khác nếu có hỗ trợ tài chính tốt hơn.

- Trường có ý kiến đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí. Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

6. Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH)

6.1. Về ngành học STEM

- Trường đang đào tạo 17 ngành học STEM:

TT	Mã ngành	Tên ngành
1	7480202	An toàn thông tin
2	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô
3	7520141	Công nghệ ô tô điện
4	7420201	Công nghệ sinh học
5	7480201	Công nghệ thông tin
6	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử
7	7520103	Kỹ thuật cơ khí
8	7520201	Kỹ thuật điện
9	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
10	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
11	7480106	Kỹ thuật máy tính
12	7520320	Kỹ thuật môi trường
13	7580201	Kỹ thuật xây dựng
14	7460108	Khoa học dữ liệu
15	7480101	Khoa học máy tính
16	7510209	Robot và trí tuệ nhân tạo
17	7480107	Trí tuệ nhân tạo

6.2. Về đối tượng theo học ngành STEM

a) Tổng số sinh viên ngành STEM 5 năm vừa qua:

Số lượng SV ngành STEM	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
TỔNG CỘNG	**7.632**	**6.461**	**7.395**	**9.057**	**10.121**

Tổng số sinh viên ngành STEM 5 năm tới:

Số lượng SV ngành STEM	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
TỔNG CỘNG	**10.629**	**10.992**	**11.252**	**11.437**	**11.569**

b) Điều kiện tuyển sinh: Đáp ứng các điều kiện trúng tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và đáp ứng mức điểm chuẩn quy định của Trường.

c) Những nhóm sinh viên cần được ưu tiên, hỗ trợ để theo học ngành

STEM bao gồm:

- Sinh viên thuộc nhóm dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa: vì Thiếu cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao; Hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị học tập, và tài liệu học; Ít được định hướng và khuyến khích theo đuổi các ngành học STEM.

- Sinh viên nữ: vì thường có sự chênh lệch giới tính trong các ngành STEM, đặc biệt là Kỹ thuật và Công nghệ.

d) Việc có một chương trình ưu đãi đối với ngành STEM sẽ khuyến khích sinh viên chọn học các ngành này nhiều hơn vì:

- Các chương trình ưu đãi như học bổng cam kết việc làm, chương trình thực tập trả lương, hoặc ưu đãi tuyển dụng sẽ thu hút sinh viên muốn có việc làm ổn định, lương cao sau khi ra trường.

- Các chính sách ưu đãi đối với sinh viên nữ hoặc sinh viên vùng sâu, vùng xa sẽ giúp họ có động lực theo đuổi các ngành STEM, thay vì bị ảnh hưởng bởi định kiến xã hội hoặc khó khăn địa lý.

đ) Mức thu nhập khởi điểm và tốc độ tăng trưởng thu nhập của sinh viên tốt nghiệp ngành STEM phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chuyên ngành cụ thể, khu vực làm việc, trình độ cá nhân, và nhu cầu thị trường lao động. Mức lương khởi điểm trung bình của sinh viên mới ra trường thường dao động khoảng 10.000.000 đồng/tháng, tùy thuộc vào ngành nghề và khả năng của từng cá nhân.

6.3. Về học phí

- Mức học phí trung bình của các ngành STEM tại HUTECH là 1.4 triệu/tín chỉ.

- Trường có chính sách học bổng chung cho nhiều đối tượng sinh viên của tất cả các ngành đào tạo:

+ Học bổng tuyển sinh: giảm 25% học phí toàn khóa học. Đây là một trong những chính sách học bổng tuyển sinh đặc biệt của năm nay với giá trị vô cùng hấp dẫn nhằm tiếp thêm động lực để thí sinh cả nước chinh phục ước mơ đại học và theo đuổi thành công trong tương lai. Ngoài ra, Trường tiếp tục thực hiện các chính sách học bổng đa dạng và hấp dẫn trong năm 2025, bao gồm: Học bổng Tài năng (trị giá 50-75-100% học phí toàn khóa); Học bổng Tiếp sức (trị giá 50-75-100% học phí toàn khóa); Học bổng Giáo dục (trị giá 30% học phí toàn khóa); Học bổng Gia đình (trị giá 5% học phí toàn khóa);…

+ Học bổng dành cho Sinh viên đang học tại trường: học bổng tài năng, vượt khó, học bổng cán bộ Đoàn – Hội, học bổng Thắp sáng ước mơ,…

+ Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường có kết nối với các Doanh nghiệp, Cựu sinh viên, Thầy Cô trao tặng các suất học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

- Đối với việc đóng học phí, HUTECH thực hiện chính sách học phí minh bạch, công bố công khai trước khóa học và cam kết KHÔNG TĂNG trong toàn khóa, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên yên tâm học tập, phát triển bản thân trong môi trường đào tạo chất lượng. Mỗi học kỳ, Nhà trường đều triển khai thông báo đăng ký môn học, thời gian đóng học phí sớm đến sinh viên/ phụ huynh chuẩn bị, trường hợp nào khó khăn, Nhà trường đều hỗ trợ giải quyết gia hạn thêm thời gian.

6.4. Về sinh hoạt phí

- Chi phí sinh hoạt trung bình hàng tháng của sinh viên tại khu vực trường như sau:

STT	Loại chi phí sinh hoạt cơ bản 1 tháng	Số tiền
1	Chỗ ở: Nhà trọ, Ký túc xá, điện nước	2.000.000
2	Ăn uống	3.000.000
3	Nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh nhật,..	500.000
4	Dịch vụ: 4G, điện thoại, gửi xe, xăng xe…	700.000
5	Nhu yếu phẩm	300.000
Tổng		**6.500.000**

- Sinh viên chi trả các chi phí sinh hoạt hàng tháng từ gia đình là chủ yếu. Sinh viên đi làm thêm chỉ để trang trải tiền ăn, phụ thêm tiền trọ.

- Trường không có ký túc xá do Trường quản lý trực tiếp nhưng Trường có liên kết với Ký túc xá Đại học Quốc Gia TPHCM, Ký túc xá, Nhà trọ tư nhân và Khách sạn Công Đoàn Thanh Đa, với các mức phí trung bình hàng tháng như sau:

+ Ký túc xá Đại học Quốc Gia TPHCM (1000 – 1300 chỗ):

Phòng 8 người: 205.000 đồng/tháng/sinh viên.

Phòng 6 người: 275.000 đồng/tháng/sinh viên.

Phòng dịch vụ 4 người: 800.000 đồng/tháng/sinh viên.

Phòng dịch vụ 2 người: 1.995.000 đồng/tháng/sinh viên.

+ Khách sạn Công đoàn Thanh Đa là 1.900.000 – 2.200.000 đồng/tháng/sinh viên (tối đa được 03 người/ phòng). Thời gian được lưu trú là 09 tháng mỗi năm.

+ Ngoài ra, Trường liên kết với các chủ KTX tư nhân, phòng trọ tư nhân:

KTX tư nhân: 1.500.000 - 2.700.000 đồng/tháng/sinh viên/giường (Phòng từ 04 - 10 giường)

Phòng trọ tư nhân: 3.300.000 - 6.000.000 đồng/tháng (tối đa được 03 người/ phòng). Trung bình 1.100.000 – 2.000.000 đồng/tháng/sinh viên

6.5. Kiến nghị liên quan đến chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM

- Trong bối cảnh các trường Đại học triển khai đào tạo đa ngành nghề thì việc có những chính sách ưu đãi, chính sách tín dụng riêng với HSSV học các ngành STEM là cần thiết. Với một chính sách tín dụng ưu đãi hợp lý cho HSSV học các ngành STEM thì đây chính là 1 lợi thế, thu hút HSSV đăng ký học các ngành STEM nhiều hơn.

- Trường có ý kiến đề nghị mức vốn cho vay nên căn cứ theo mức học phí phải đóng của HSSV cộng thêm một khoản tiền sinh hoạt phí. Đối với lãi suất, trường kiến nghị nên xem xét giảm lãi suất cho HSSV.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA ĐOÀN KHẢO SÁT

1. Về các ngành học STEM.

- Các trường cung cấp thông tin về việc xây dựng hệ thống các ngành và mã ngành học STEM theo quy định liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp có thẩm quyền, trong đó bao gồm Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Về cơ bản, các ngành học STEM được các trường cung cấp thuộc hệ thống ngành về khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật. Tuy nhiên, một số trường có ngành học về công nghệ đặc thù không nằm trong các hệ thống ngành nêu trên nhưng cũng thuộc đối tượng được ưu tiên phát triển của Nhà nước, ví dụ như ngành công nghệ tài chính (fintech) thuộc hệ thống ngành kinh doanh và quản lý.

2. Về đối tượng theo học ngành STEM.

- Theo báo cáo của các trường đại học, số lượng HSSV học các ngành STEM trong giai đoạn 5 năm vừa qua có xu hướng tăng trưởng nhưng còn chậm, đặc biệt giai đoạn đại dịch Covid-19 (2021-2022) còn có dấu hiệu sụt giảm. Ví dụ, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh năm 2020 tuyển sinh 6.959 HSSV học ngành STEM, tuy nhiên năm 2021-2022 chỉ tuyển sinh khoảng gần 6.000 HSSV, đến nay thì cơ bản đã phục hồi về mức trước đại dịch. Tuy nhiên, theo đánh giá của các trường thì dự kiến số lượng HSSV học

các ngành STEM sẽ tăng trưởng mạnh và đều đặn hơn trong giai đoạn 2026-2030, ít nhất trong khoảng từ 15% đến 20% mỗi năm.

- Chất lượng HSSV tuyển sinh đầu vào của các ngành STEM về cơ bản ở mức cao so với các ngành khác do đặc thù ngành STEM là các ngành khó học, vất vả, cần sự kiên trì lớn trong quá trình học. Các trường thực hiện tuyển sinh thông qua nhiều phương thức khác nhau như: xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do các trường lớn tổ chức (Đại học Quốc gia TP. Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội). Trường Đại học VinUni với định hướng là đại học quốc tế thì có phương thức tuyển sinh toàn diện hơn, trong đó ngoài kết quả học tập còn xem xét đến các khía cạnh về hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm, khát khao cống hiến...

Các trường có ý kiến để xác định đối tượng HSSV giỏi đầu vào thì hình thức mang tính bao trùm toàn bộ HSSV nhất là thông qua kết quả học bạ THPT của HSSV, có thể xem xét đánh giá thông qua chất lượng học tập năm cuối cấp của HSSV. Lý do vì đủ các trường sử dụng hình thức tuyển sinh nào thì học sinh Việt Nam đều nộp kèm kết quả học tập THPT.

- Theo báo cáo của các trường thì thông thường khoảng 90% HSSV của trường có việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp và mức lương bình quân ban đầu khoảng 9-12 triệu đồng/tháng, cá biệt một số ngành nhu cầu tuyển dụng đang cao như công nghệ thông tin thì mức lương bình quân ban đầu có thể lên tới 12-20 triệu đồng/tháng tùy vào năng lực của HSSV tốt nghiệp.

- Các trường đều có ý kiến trường hợp có chính sách tín dụng riêng đối với HSSV học các ngành STEM thì sẽ có nhu cầu vay vốn do tỷ lệ HSSV ngoại tỉnh (đối với các trường ở TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) học trong các ngành STEM rất cao, nhiều thành phần các em HSSV có hoàn cảnh khó khăn; kể cả các em HSSV có điều kiện gia đình khá cũng có nhu cầu vay vốn để hỗ trợ việc học do đặc thù các ngành STEM chi phí cao, có thể phát sinh thêm nhiều chi phí khác có liên quan (như mua máy móc, thiết bị cá nhân, phần mềm...), thời gian học dài, việc học nặng nề, cần tập trung học tập, khó đi làm thêm để trang trải chi phí.

3. Về học phí.

- Qua khảo sát, học phí các ngành STEM cơ bản trong khoảng từ 30-50 triệu đồng/năm. Cá biệt một số ngành STEM đào tạo tiên tiến hoặc hợp tác với các trường đại học nước ngoài thì có học phí cao hơn ở mức 50-70 triệu đồng/năm. Cơ bản các trường đại học đều có các chương trình học bổng để hỗ trợ HSSV (quỹ học bổng được trích tỷ lệ 8% mức thu học phí), tuy nhiên chưa đáp ứng được toàn bộ nhu cầu của HSSV.

- Trường Đại học VinUni là trường tư theo định hướng đại học quốc tế nên có học phí cao hơn, tuy nhiên thông qua nhiều hình thức học bổng, hỗ trợ tài chính... thì thông thường học phí HSSV phải trả là khoảng 200-300 triệu đồng/năm. Trường Đại học VinUni có ý kiến mặc dù mức học phí cao nhưng cũng có nhu cầu HSSV muốn vay vốn để chi trả chi phí học tập nếu có chương trình tín dụng ưu đãi; lý do vì trường có môi trường quốc tế và khả năng tiếp cận việc làm tại tập đoàn quốc tế với mức lương cao, nên vẫn có nhiều HSSV sẵn sàng vay vốn để hỗ trợ tài chính cho quá trình học tập.

4. Về sinh hoạt phí.

Các trường cho biết kết quả khảo sát cho thấy các chi phí sinh hoạt cơ bản của HSSV trong khoảng 3-5 triệu đồng/tháng... Trường hợp HSSV sống trong kí túc xá thì có thể giảm chi phí sinh hoạt xuống (do chi phí kí túc xá trung bình khoảng 500 nghìn/tháng); tuy nhiên các trường cho biết chỗ ở kí túc xá thường không đáp ứng được đủ nhu cầu của HSSV.

5. Một số kiến nghị của các trường đối với chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM.

- Về đối tượng cho vay: Các trường có ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng cho vay đối với toàn bộ HSSV học các ngành STEM là phù hợp, qua đó thu hút thêm HSSV học các ngành này; tuy nhiên cần cân nhắc quy định để thu hút được người giỏi.

- Về điều kiện vay: Các trường có ý kiến đề nghị cần cân nhắc kỹ về điều kiện, nếu quy định điều kiện HSSV đạt kết quả học tập loại giỏi thì sẽ rất khó có HSSV đáp ứng được điều kiện vì đặc thù các ngành học STEM là các ngành khó nên tỷ lệ HSSV đạt kết quả loại giỏi hằng năm là rất thấp, chủ yếu HSSV đạt kết quả loại khá đã đáp ứng tốt chất lượng học tập của trường. Đối với học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh tiếp tục quan tâm theo học ngành STEM thì cơ bản những người học này đã tốt nghiệp đại học, là những sinh viên khá, giỏi và đam mê cống hiến cho lĩnh vực khoa học, đổi mới sáng tạo.

- Về mức cho vay: Các trường có ý kiến nên quy định chung mức vay theo học phí (ví dụ 100% học phí hoặc 70-80% học phí), vì học phí dự kiến thay đổi đều hằng năm, đặc biệt trong bối cảnh các trường tự chủ tài chính và đầu tư nhiều để mở các ngành học công nghệ then chốt (nhiều loại máy móc, mô hình phục vụ học tập mua về tốn hàng triệu USD) thì học phí dự kiến sẽ càng tăng; do đó nếu quy định mức vay cố định thì sẽ nhanh chóng không còn phù hợp. Bên cạnh đó cần cho vay thêm một khoản tiền để HSSV chi trả sinh hoạt phí hằng tháng thì HSSV mới yên tâm học tập, đặc biệt HSSV học các ngành STEM học khá nặng, không có thời gian làm thêm.

- Về tài sản bảo đảm: Các trường có ý kiến nên cho vay không cần bảo đảm tiền vay như chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn. Tại các buổi làm việc, Đoàn khảo sát cũng trao đổi với các trường theo

hướng dự kiến chính sách sẽ không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với mức vốn vay cao hơn hẳn so với chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn; trường hợp các mức vốn vay rất cao (đối với các trường quốc tế) thì để kiểm soát rủi ro, cần phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Ngay cả khi áp dụng cơ chế như vậy cũng sẽ ưu đãi hơn so với chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

- Về lãi suất: Các trường có ý kiến mức lãi suất theo chương trình tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn hiện nay là cao; do đó các trường mong muốn giảm lãi suất cho HSSV; Đại học Bách Khoa Hà Nội có ý kiến đề xuất cụ thể giảm lãi suất xuống 3%/năm.

- Về thủ tục vay vốn: Đại học Bách Khoa Hà Nội có ý kiến cụ thể cho rằng thủ tục vay vốn đối với HSSV hiện nay còn cần nhiều bước (ví dụ cần xin xác nhận của UBND xã, xác nhận của nhà trường...), do đó đề nghị giảm bớt thủ tục cho HSSV. Đoàn khảo sát cũng có ý kiến trao đổi lại theo hướng tại văn bản quy định về chính sách tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn không quy định chi tiết về thủ tục vay vốn mà do NHCSXH hướng dẫn thực hiện và đề nghị đại diện NHCSXH tham gia Đoàn khảo sát có ý kiến báo cáo Lãnh đạo NHCSXH xem xét đơn giản hóa thủ tục vay vốn cho khách hàng.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát phục vụ xây dựng chính sách tín dụng đối với HSSV học các ngành STEM tại một số trường đại học tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh./.